Biểu số 01

BIỂU TỔNG HỢP CÁC NGUỒN KINH PHÍ ĐÃ GIAO NĂM 2022 (Tính đến 10/6/2022)

(Kèm theo Báo cáo số 366 /BC-UBND ngày 17 /6/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn kinh phí	Tổng số	Đã phân bổ tại Quyết định số 2388/QĐ-UBND ngày 08/12/2021 của UBDN tỉnh		Dự toán chưa phân bổ	Đã phân bổ (bao gồm cả TTr của STC)	Còn lại chưa phân bổ đến 10/6	Ghi chú
			Tỉnh	Huyện				
	TỔNG CỘNG	**6.616.450**	**1.467.870**	**2.623.722**	**2.599.422**	**2.184.877**	**414.544**	
A	**DỰ TOÁN GIAO ĐẦU NĂM 2021**	**6.616.450**	**1.467.870**	**2.623.722**	**2.524.858**	**2.148.398**	**376.459**	Số chưa phân bổ đã bao gồm 500 triệu đồng của tỉnh Bắc Ninh hỗ trợ
I	**Chi cân đối ngân sách**	**4.470.347**	**1.417.503**	**2.614.927**	**437.917**	**65.367**	**372.549**	
1	**Chi đầu tư phát triển**	**564.950**	**307.433**	**233.197**	**24.320**	**0**	**24.320**	
1.1	Chi đầu tư xây dựng cơ bản vốn trong nước	400.290	284.773	115.517	0		0	
1.2	Chi đầu tư hạ tầng từ nguồn thu tiền sử dụng đất	142.000		117.680	24.320		24.320	
1.3	Chi đầu tư từ nguồn thu số xố kiến thiết	18.000	18.000		0		0	
1.4	Chi đầu tư từ nguồn bội chi NSĐP	4.660	4.660		0		0	
2	**Chi thường xuyên**	**3.793.996**	**1.107.370**	**2.324.429**	**362.197**	**58.952**	**303.245**	
2.1	Chi sự nghiệp kinh tế	344.731	120.591	178.140	46.000	9.786	36.214	Dự kiến phân bổ thự hiện các chính sách do HĐND tỉnh ban hành và các dự án, chính sách khác thuộc lĩnh vực nông, lâm ngiệp của; Bố trí vốn đối ứng cho 3 chương trình MTQG
2.2	Chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề	1.593.054	198.332	1.154.762	239.960	33.870	206.090	Dự kiến phân bổ kinh phí đảm bảo cho biên chế tuyển mới của ngành GD; kinh phí thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông năm 2018 và các phát sinh khác thuộc lĩnh vực Giáo dục và đào tạo

2.3	Chi sự nghiệp y tế	375.467	358.128	7.339	10.000	5.107	4.893	Kinh phí mua thẻ BHYT cho các đối tượng phát sinh; Thực hiện các phát sinh thuộc lĩnh vực Y tế
2.4	Chi sự nghiệp khoa học công nghệ	14.339	12.339	0	2.000	2.000	0	
2.5	Chi sự nghiệp hoạt động môi trường	45.525	19.025	26.500	0	0	0	
2.6	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	45.546	36.422	9.124	0	0	0	
2.7	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	11.066	9.566	1.500	0	0	0	
2.8	Chi sự nghiệp phát thanh truyền hình	32.812	24.875	7.937	0	0	0	
2.9	Chi đảm bảo xã hội	165.806	14.851	150.955	0	0	0	
2.10	Chi quản lý hành chính	965.789	271.589	662.056	32.144	4.246	27.898	Thực hiện các chế độ, chính sách mới do HĐND tỉnh ban hành; Mua xe ô tô phục vụ công tác chung và xe chuyên dùng; Kinh phí tổ chức các sự kiện, các ngày lễ lớn
2.11	Chi an ninh	18.962	9.996	8.966	0	0	0	
2.12	Chi quốc phòng	106.876	31.100	75.776	0	0	0	
2.13	Chi khác ngân sách	13.632	556	11.576	1.500	500	1.000	
2.14	Chi thực hiện cải cách tiền lương	60.391		29.798	30.593	3.442	27.151	
3	**Chi trả phí các khoản vay**	**1700**	**1700**		**0**	**0**	**0**	
4	**Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính**	**1.000**	**1.000**		**0**	**0**	**0**	
5	**Dự phòng ngân sách (Trong đó có 10.106 trđ thuộc nguồn KP TK 2% CTX để XD NTM**	**108.701**	**-**	**57.301**	**51.400**	**6.416**	**44.984**	Phân bổ cho các nhiệm vụ phát sinh theo quy định của Luật Ngân sách
5.1	Nguồn dự phòng từ dự toán đầu năm	97.975		57.301	40.674	6.416	34.258	
5.2	Trung ương quyết toán kinh phí thực hiện chính sách phòng, chống dịch và hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do dịch Covid - 19 năm 2021 hạch toán hoàn trả nguồn dự phòng cấp tỉnh	10.726			10.726		10.726	
II	**Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ NSTW thực hiện các CTMT, CTMTQG, nhiệm vụ, chương trình, dự án**	**2.146.103**	**50.367**	**8.795**	**2.086.941**	**2.083.031**	**3.910**	
II.1	**Vốn sự nghiệp**	**63.072**	**50.367**	**8.795**	**3.910**	**0**	**3.910**	

1	**Vốn nước ngoài thực hiện các CTMT, nhiệm vụ, chế độ, chính sách theo quy định**	**1.910**		**-**	**1.910**		**1.910**	Nguồn vốn phân bổ cho DA an ninh Y tế của Sở Y tế, tuy nhiên DA này đã QT; Dự kiến phân bổ cho dự án có nhu cầu sử dụng vốn vay NN theo hình thức Ghi thu - Ghi chi
2	**Vốn trong nước thực hiện các CTMT, nhiệm vụ, chế độ, chính sách theo quy định**	**61.162**	**50.367**	**8.795**	**2.000**	**0**	**2.000**	
2.1	Hỗ trợ thực hiện một số Đề án, Dự án khoa học và công nghệ	1.310	1.310					
2.2	Vốn dự bị động viên	15.000	15.000					
2.3	Hỗ trợ doanh nghiệp vừa và nhỏ	2.000			2.000	**0**	2.000	Đang xem xét ban hành kế hoạch hỗ trợ DNVVN trên cơ sở TTr số 46 ngày 24/5/2022 của Sở KHĐT
2.4	Kinh phí thực hiện Đề án bồi dưỡng cán bộ, công chức Hội Liên hiệp phụ nữ các cấp và Chi hội trưởng Phụ nữ giai đoạn 2019-2025	203	203					
2.5	Bổ sung kinh phí thực hiện nhiệm vụ đảm bảo trật tự an toàn giao thông	10.000	5.205	4.795				
2.6	Kinh phí quản lý, bảo trì đường bộ	32.649	28.649	4.000				
II.2	**Vốn đầu tư**	**2.083.031**			**2.083.031**	**2.083.031**	**0**	
1	**Vốn nước ngoài**	**394.552**			**394.552**	**394.552**	**0**	
2	**Vốn trong nước**	**1.688.479**			**1.688.479**	**1.688.479**	**0**	
2.2	Chương trình, dự án, nhiệm vụ	1.688.479			1.688.479	1.688.479	0	
B	**NGUỒN NĂM 2021 CHUYỂN SANG NĂM 2022**				**73.864**	**36.479**	**37.385**	
I	**Nguồn Trung ương bổ sung có mục tiêu**				**8.295**	**8.295**	**0**	
	Chương trình mục tiêu Giáo dục nghề nghiệp - Việc làm và An toàn lao động				8.000	8.000		
	Chương trình hỗ trợ sáng tạo VHNT theo Quyết định 558/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ				295	295		
II	**Các khoản tăng thu, tiết kiệm chi thuộc nguồn cân đối ngân sách tỉnh**				**35.609**	**30.587**	**5.022**	

1	**Tiền bảo vệ và phát triển đất trồng lúa**	**14.770**			**14.770**	**12.148**	**2.622**	Phân bổ theo quy định của Nghị định 62/2020/NĐ-CP khi phát sinh nhu cầu
2	**Chi bổ sung nguồn thực hiện CCTL giai đoạn 2022-2025**				**2.403**	**2.403**	**0**	
3	**Thực hiện chính sách an sinh xã hội**				**2.000**		**2.000**	
4	**Tăng chi đầu tư một số dự án quan trọng (Chi một số công trình, dự án có tính chất đầu tư XDCB)**				**16.036**	**16.035,5**	**0**	
4.1	***Trả nợ quyết toán các công trình, dự án***				***4.331***	***4.331,04***	***0***	
	Khắc phục hậu quả thiên tai, bảo đảm giao thông bước 1 năm 2021 trên tuyến ĐT.254, tỉnh Bắc Kạn (*do ảnh hưởng các đợt mưa lũ từ ngày 20/7/2021 đến ngày 15/8/2021*)				4.331	4.331,04		
4.2	***Tăng chi đầu tư một số công trình, dự án quan trọng***				***11.704***	***11.704,46***	***0***	
	Quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, tỉnh Bắc Kạn				3.000,00	3.000,00		
	Khắc phục hậu quả thiên tai, ĐBGT bước 1 năm 2021 trên tuyến ĐT.254 tỉnh Bắc Kạn (do ảnh hưởng các đợt mưa lũ từ ngày 02/9/2021 đến ngày 11/9/2021)				3.704,46	3.704,46		
	Xây dựng công trình vượt dòng phòng chống, khắc phục hậu quả lụt bão, đảm bảo giao thông trên tuyến đường ĐT.258B đoạn tuyến km36+00 - km65+450				5.000,00	5.000,00		
5	**Dự kiến kinh phí thưởng vượt thu cho các cấp ngân sách**				**400**		**400**	Phân bổ cho các huyện vượt thu ngân sách năm 2021 theo Nghị quyết của HĐND
III	**Nguồn thực hiện chính sách tiền lương năm 2021 chuyển sang năm 2022**				**29.960**	**-2.403**	**32.363**	
C	**NGUỒN TRUNG ƯƠNG BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU NĂM 2022**	**700**	**0**	**0**	**700**	**0**	**700**	
I	Chương trình phát triển công tác XH và Chương trình trợ giúp XH đối với người tâm thần, trẻ em tự kỷ và người rối nhiễu tâm trí Bắc Kạn	700			700		700	

Biểu số 02

CHI TIẾT BỔ SUNG KINH PHÍ NĂM 2022 THEO QUYẾT ĐỊNH CỦA UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH

(Kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày /6/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Đơn vị tính: Triệu đồng

Văn bản cấp kinh phí		Nội dung chi	Bổ sung kinh phí cấp Tỉnh	Bổ sung kinh phí cấp huyện									Nguồn thực hiện CCTL 2021 chuyển sang	Nguồn tăng thu, tiết kiệm chi năm 2021 đã CN sang năm 2022	Nguồn Trung ương bổ sung có mục tiêu 2021 chuyển sang
Số	Ngày				SNKT	SNGD, ĐT, DN	SNYT	SNKHCN	QLHC	Nguồn CCTL trong ĐT ĐN	Chi khác	Dự phòng			
A	B	C	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
I. Tổng nguồn được sử dụng					**46.000**	**239.960**	**10.000**	**2.000**	**32.144**	**30.593**	**1.500**	**40.674**	**29.960**	**35.609**	**8.295**
II. Kinh phí bố trí sử dụng			**61.559**	**40.287**	**9.786**	**33.870**	**5.107**	**2.000**	**4.246**	**3.442**	**500**	**6.416**	**-2.403**	**30.587**	**8.295**
210/ QĐ-UBND	15-02-2022	Cấp bổ sung kinh phí thực hiện hỗ trợ lực lượng tại Chốt kiểm dịch y tế liên ngành phòng, chống dịch bệnh Covid-19 trên địa bàn tỉnh Bắc Kạncho UBND các huyện năm 2021		14								14			
462/QĐ-UBND	24-03-2022	Cấp bổ sung kinh phí chi trả chế độ, chính sách theo Nghị định 108/2014/NĐ-CP,Nghị định 113/2018/NĐ-CP và Nghị định 143/2020/NĐ-CP của Chính phủ đối với đối tượng tinh giản biên chế đợt nghỉ 01/4/2021 cho UBND huyện Ngân Sơn		132						132					
133/QĐ-UBND	26-01-2022	Tiếp nhận và phân bổ kinh phí tỉnh Bắc Ninh hỗ trợ đồng bào nghèo đón Tết Nhâm Dần 2022	500								500				
190/ QĐ-UBND	11-02-2022	Cấp bổ sung kinh phí chi trả chế độ, chính sách theo Nghị định 108/2014/NĐ-CP,Nghị định 113/2018/NĐ-CP và Nghị định 143/2020/NĐ-CP của Chính phủđối với đối tượng tinh giản biên chế đợt nghỉ 01/12/2021 (lần 2)		512						512					
268/ QĐ-UBND	24-02-2022	Cấp bổ sung kinh phí cho các địa phương để thực hiện chính sách hỗ trợ theo Nghị quyết số 05/2020/NQ-HĐND ngày 05/5/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh đối với cán bộ, công chức cấp xã nghỉ hưu trước tuổi, thôi việc đợt 01/11, 01/12 năm 2021		91					91						
272/ QĐ-UBND	24-02-2022	Cấp kinh phí cho UBND huyện Na Rì chi trả tiền bồi thường giải phóng mặt bằng Dự án cải tạo, nâng cấp đường Hảo Nghĩa -Liêm Thủy, huyện Na Rì		145								145			
271/ QĐ-UBND	24-02-2022	Cấp kinh phí cho UBND các huyện, thành phố để thực hiện một số chính sách liên quan đến phòng, chống dịch Covid-19 trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn		1.065								1.065			
289/QĐ-UBND	25-02-2022	Cấp bổsung kinh phí cho Sở Y tế để mua bơm kim tiêm và hộp an toàn phục vụ tiêm vắc xin Covid-19 liều bổ sung và nhắc lại trên địa bàn tỉnh		290								290			
461/QĐ-UBND	24-03-2022	Cấp bổ sung kinh phí chi trả chế độ, chính sách theo Nghị định số 108/2014/NĐ-CP, Nghị định số 113/2018/NĐ-CP và Nghị địnhsố 143/2020/NĐ-CP của Chính phủ đối với đối tượng tinh giản biên chế đợt nghỉ 01/12/2021 cho Sở Nông nghiệp và PTNT		118						118					
397/QĐ-UBND	11-03-2022	Phân bổ kinh phí Trung ương bổ sung có mục tiêu năm 2021 cho các đơn vị thực hiện các Chương trình, nhiệm vụ; đồng thời hoàn trả từ nguồn Trung ương bổ sung có mục tiêu năm 2021 về nguồn ngân sách tỉnh	175						-120						295

455/QĐ-UBND	24-03-2022	Cấp bổ sung kinh phí cho các đơn vị thực hiện nhiệm vụ phát sinh năm 2022	1.874		1.058	625			191						
651/QĐ-UBND	22-04-2022	Cấp bổ sung kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ theo Nghị quyết số 05/2020/NQ-HĐND đối với cán bộ, công chức cấp xã nghỉ hưu trước tuổi, thôi việc đợt 01/01/2022 cho các địa phương		177					177						
661/QĐ-UBND	25-04-2022	Cấp bổ sung kinh phí chi trả chế độ, chính sách theo Nghị định số 108/2014/NĐ-CP, Nghị định số 113/2018 /NĐ-CP và Nghị định số 143/2020/NĐ-CP của Chính phủ đối với đối tượng tinh giản biên chế đợt nghỉ 01/01, 01/02 và 01/3 năm 2022 cho các đơn vị, địa phương	1.073	1.131						2.204					
451/QĐ-UBND	24-03-2022	Cấp bổ sung kinh phí cho UBND huyện Chợ Mới và UBND Thành phố Bắc Kạn để thực hiện các chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch Covid-19 theo Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 01/7/2021 (đợt 7) và Quyết định số 17/2021/QĐ-UBND ngày 11/10/2021 của UBND tỉnh Bắc Kạn		118								118			
511/QĐ-UBND	01-04-2022	Điều chỉnh tên và thu hồi kinh phí đã giao đối với nhiệm vụ không còn thực hiện của Sở Tài nguyên và Môi trường	-50		-50										
673/QĐ-UBND	26-04-2022	Cấp bổ sung kinh phí cho các đơn vị thực hiện nhiệm vụ phát sinh năm 2022	2.682		1.182	720			781						
583/QĐ-UBND	12-04-2022	Cấp bổ sung kinh phí cho Sở Y tế phòng, chống dịch Covid-19	3.783									3.783			
581/QĐ-UBND	12-04-2022	Cấp kinh phí cho các đơn vị, địa phương để trả nợ quyết toán và thực hiện đầu tư một số công trình, dự án quan trọng (đợt 1)	16.036											16.036	
551/QĐ-UBND	07-04-2022	Phân bổ kinh phí Trung ương bổ sung có mục tiêu năm 2021 cho Trường Cao đẳng Bắc Kạn để thực hiện nhiệm vụ	8.000												8.000
739/QĐ-UBND	05-05-2022	Đề nghị cấp bổ sung kinh phí cho các đơn vị thực hiện nhiệm vụ năm 2022	563			98			465						
819/QĐ-UBND	17-05-2022	Cấp bổ sung kinh phí cho Ủy ban nhân dân huyện Ba Bể để truy đóng phần ngân sách nhà nước hỗ trợ đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc đối với cán bộ xã là bệnh binh các hạng		35					35						
72/TTr-STC	23-05-2022	Cấp bổ sung kinh phí cho Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn vàUBND các huyện, thành phố để thực hiện nhiệm vụ bảo vệ, phát triển đất trồng lúa theo Nghị định số 62/2019/NĐ-CP ngày 11/7/2019 của Chính phủ từ nguồn tăng thu, tiết kiệm chi ngân sách cấp tỉnh năm 2021 đã chuyển nguồn sang năm 2022	2.803	9.346										12.148	
925/QĐ-UBND	31-05-2022	Cấp bổ sung kinh phí cho các đơn vị để thực hiện đào tạo, bồi dưỡng các lớp trong năm 2022	2.726			2.726									
807/QĐ-UBND	18-05-2022	Cấp bổ sung kinh phí cho Sở Y tế thực hiện nhiệm vụ phát sinh năm 2022	5.037				5.037								
69/TTr-STC	16-05-2022	Cấp bổ sung kinh phí cho UBND các huyện, thành phố thực hiện nhiệm vụ năm 2022		26.933		26.933									
68/TTr-STC	13-05-2022	Cấp bổ sung kinh phí cho các đơn vị để bố trí trả nợ quyết toán các công trình cải tạo, sửa chữa trụ sở làm việc năm 2020, 2021 (đợt 1 năm 2022)	2.682		2.682										
903/QĐ-UBND	27-05-2022	Cấp bổ sung kinh phí cho các đơn vị thực hiện nhiệm vụ năm 2022	1.101		158				943						
75/TTr-STC	27-05-2022	Cấp bổ sung kinh phí chi trả chế độ, chính sách theo Nghị định số 108/2014/NĐ-CP, Nghị định số 113/2018/NĐ-CP và Nghị định số 143/2020/NĐ-CP của Chính phủ đối với đối tượng tinh giản biên chế đợt nghỉ 01/4/2022 cho các đơn vị, địa phương	296	179						475					

928/QĐ-UBND	31-05-2022	Cấp bổ sung kinh phí cho Sở Y tế để thực hiện nhiệm vụ	70				70								
77/TTr-STC	01-06-2022	Cấp bổ sung kinh phí sửa chữa trụ sở các cơ quan, đơn vị năm 2022 và bố trí kinh phí khắc phục sạt lở nhà ở, nhà ăn Đại đội K29, phòng kỹ thuật Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh	5.650		4.650							1.000			
76/TTr-STC	31-05-2022	Cấp bổ sung kinh phí cho các đơn vị thực hiện nhiệm vụ năm 2022	6.559		105	2.769		2.000	1.685						
		Chuyển từ nguồn tăng thu, tiết kiệm chi sang nguồn CCTL											-2.403	2.403	
III. Nguồn còn lại					**36.214**	**206.090**	**4.893**	**0**	**27.898**	**27.151**	**1.000**	**34.258**	**32.363**	**5.022**	**0**

Biểu số 03

BÁO CÁO TÌNH HÌNH SỬ DỤNG NGUỒN DỰ PHÒNG NGÂN SÁCH CẤP TỈNH NĂM 2022

(Kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày /6/2022 của UBND tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Kinh phí	Ghi chú
I	**Tổng nguồn dự phòng giao đầu năm 2022**	**51.400**	
1	Nguồn dự phòng trong dự toán đầu năm	40.674	Quyết định số 2388/QĐ-UBND ngày 8/12/2021 của UBND tỉnh
2	Trung ương quyết toán kinh phí thực hiện chính sách phòng, chống dịch và hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do dịch Covid - 19 năm 2021 hạch toán hoàn trả nguồn dự phòng cấp	10.726	Công văn số 5408/BTC-NSNN ngày 08/6/2022
II	**Số phân bổ đến ngày 10/6/2022**	**6.416**	
	Cấp bổ sung kinh phí thực hiện hỗ trợ lực lượng tại Chốt kiểm dịch y tế liên ngành phòng, chống dịch bệnh Covid-19 trên địa bàn tỉnh Bắc Kạncho UBND các huyện năm 2021	14	Quyết định số 210/QĐ-UBND ngày 15/02/2022 của UBND tỉnh
1	Cấp kinh phí cho UBND huyện Na Rì chi trả tiền bồi thường giải phóng mặt bằng Dự án cải tạo, nâng cấp đường Hảo Nghĩa -Liêm Thủy, huyện Na Rì	145	Quyết định số 272/QĐ-UBND ngày 24/02/2022 của UBND tỉnh
2	Cấp kinh phí cho UBND các huyện, thành phố để thực hiện một số chính sách liên quan đến phòng, chống dịch Covid-19 trên địa bàn tỉnh	1.065	Quyết định số 271/QĐ-UBND ngày 24/02/2022 của UBND tỉnh
3	Cấp bổ sung kinh phí cho Sở Y tế để mua bơm kim tiêm và hộp an toàn phục vụ tiêm vắc xin Covid-19 liều bổ sung và nhắc lại trên địa bàn	290	Quyết định số 289/QĐ-UBND ngày 25/02/2022 của UBND tỉnh
4	Cấp bổ sung kinh phí cho UBND huyện Chợ Mới và UBND Thành phố Bắc Kạn để thực hiện các chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch Covid-19 theo Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 01/7/2021 (đợt 7) và Quyết định số 17/2021/QĐ-UBND ngày 11/10/2021 của UBND tỉnh Bắc Kạn	118	Quyết định số 451/QĐ-UBND ngày 24/03/2022 của UBND tỉnh
5	Cấp bổ sung kinh phí cho Sở Y tế phòng, chống dịch Covid-19	3.783	Quyết định số 583/QĐ-UBND ngày 12/4/2022 của UBND tỉnh
6	Bố trí kinh phí khắc phục sạt lở nhà ở, nhà ăn Đại đội K29, phòng kỹ thuật Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh	1.000	Tờ trình số 77/TTr-STC ngày 01/6/2022 của Sở Tài chính
III	**Số chưa phân bổ đến ngày 10/6/2022**	**44.984**	